KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ỨNG DỤNG KẾ TOÁN ĐIỀU TRA TRONG NGÂN HÀNG: BÀI HỌC ÁP DỤNG CHO VIỆT NAM

TS. Đào Tuyết Lan* - ThS. Lê Ngọc Anh*

Bài viết phân tích vai trò của kế toán điều tra trong bối cảnh gian lận ngân hàng gia tăng mạnh mẽ dưới tác động của chuyển đổi số, với dự báo tổn thất toàn cầu có thể đạt 58,3 tỷ USD vào năm 2030. Trên cơ sở các lý thuyết nền tảng như Tam giác gian lận, Kiểm soát nội bộ và Lý thuyết đại diện, nghiên cứu làm rõ chức năng hỗ trợ tố tụng và điều tra chuyên sâu của kế toán điều tra trong phát hiện, định lượng và xử lý gian lận tài chính. Thông qua phương pháp so sánh quốc tế giữa Hoa Kỳ, Singapore, Ấn Độ, Vương quốc Anh, Indonesia và UAE, bài viết chỉ ra bốn yếu tố quyết định hiệu quả gồm: khung pháp lý chuyên biệt, cơ chế giám sát độc lập, chuẩn hóa tiêu chuẩn nghề nghiệp và ứng dụng AI, dữ liệu lớn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất định hướng hoàn thiện thể chế, đào tạo nhân lực và phát triển hạ tầng công nghệ cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

• Từ khóa: *kế toán điều tra; gian lận ngân hàng; khung pháp lý; tam giác gian lận.*

This study examines the role of forensic accounting in addressing the escalating incidence of banking fraud amid rapid financial digitalization, with global losses projected to reach USD 58.3 billion by 2030. Grounded in foundational theoriesincluding the Fraud Triangle, Internal Control Theory, and Agency Theorythe paper clarifies the dual functions of forensic accounting in litigation support and investigative analysis for detecting, quantifying, and prosecuting financial misconduct. Employing a qualitative comparative approach, the research analyzes institutional frameworks and practices in the United States, Singapore, India, the United Kingdom, Indonesia, and the UAE. The findings identify four determinants of effectiveness: a dedicated legal framework, independent supervisory mechanisms, standardized professional certification, and the integration of artificial intelligence and big data analytics. Based on these international experiences, the study proposes policy orientations for strengthening Vietnam's regulatory structure, professional training system, and technological infrastructure to enhance fraud prevention and safeguard banking system stability.

• Key words: *forensic accounting; banking fraud; regulatory framework; fraud triangle.*

Ngày nhận bài: 05/01/2026
Ngày gửi phản biện: 19/02/2026
Ngày duyệt đăng: 30/3/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.54

1. Giới thiệu

Gian lận tài chính trong lĩnh vực ngân hàng đang gia tăng cả về quy mô lẫn mức độ tinh vi trong bối cảnh số hóa mạnh mẽ dịch vụ tài chính. Theo Juniper Research, tổn thất do gian lận trong khu vực ngân hàng toàn cầu dự kiến tăng từ 23 tỷ USD năm 2025 lên 58,3 tỷ USD vào năm 2030, tương đương mức tăng 153%. Tại Hoa Kỳ, Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC) ghi nhận thiệt hại do gian lận người tiêu dùng năm 2024 vượt 12,5 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2023. Các số liệu này cho thấy áp lực cấp thiết đối với hệ thống ngân hàng trong việc tăng cường cơ chế kiểm soát và phát hiện gian lận.

Trong bối cảnh đó, kế toán điều tra (KTĐT) được thừa nhận như một công cụ chuyên môn quan trọng nhằm phát hiện, điều tra và hỗ trợ xử lý gian lận tài chính. Nghiên cứu thực nghiệm của Brown và cộng sự (2025) cho thấy việc tích hợp các giao thức KTĐT trong ngân hàng giúp giảm 67% tỷ lệ gian lận, trong đó hiệu quả phát hiện gian lận nội bộ đạt 82%. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc thiết lập khung pháp lý rõ ràng, chuẩn hóa tiêu chuẩn nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu là các yếu tố then chốt bảo đảm hiệu quả triển khai.

Tại Việt Nam, tình hình gian lận ngân hàng diễn biến phức tạp. Trong 10 tháng đầu năm 2024, cơ quan chức năng ghi nhận hơn 220.000 phản ánh về gian lận trực tuyến; hệ thống giám sát của Ngân hàng Nhà nước đã phát hiện gần 600.000 tài khoản, ví điện tử có dấu hiệu rủi ro, cảnh báo cho 2,26 triệu khách hàng và ngăn chặn thiệt hại khoảng 2.800 tỷ đồng. Chỉ trong 8 tháng năm 2025, thiệt hại từ hơn 1.500 vụ lừa đảo trực tuyến ước tính khoảng 1.660 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nghiên cứu và đào tạo về KTĐT tại Việt Nam còn hạn chế. Khảo sát năm 2023 cho thấy

** Trường ĐH Văn Lang, TP. Hồ Chí Minh; email: lan.dt@vlu.edu.vn - anh.ln@vlu.edu.vn*

chỉ 4/45 trường đại học (9%) có học phần liên quan; chưa có ngành đào tạo chuyên biệt và chưa hình thành khung pháp lý, tiêu chuẩn nghề nghiệp riêng cho lĩnh vực này. Khoảng trống thể chế và nguồn nhân lực đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế nhằm đề xuất giải pháp phù hợp cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm kế toán điều tra

Kế toán điều tra (forensic accounting) được đề cập từ năm 1946 bởi Maurice E. Peloubet, nhấn mạnh chức năng thu thập chứng cứ gian lận và trình bày trước tòa án. Theo Viện Kế toán viên Công chứng Hoa Kỳ (AICPA, 2004), đây là việc vận dụng tổng hợp kiến thức kế toán, kiểm toán, tài chính, pháp luật và phương pháp định lượng nhằm phân tích các vấn đề tài chính phục vụ mục đích pháp lý. Các nghiên cứu sau đó thống nhất rằng KTĐT không chỉ dừng ở việc phát hiện sai sót mà tập trung làm rõ bản chất, cơ chế và trách nhiệm pháp lý của hành vi gian lận (Singleton, 2010; Trần Ngọc Diệp, 2022).

Hai chức năng cốt lõi của KTĐT gồm: (i) hỗ trợ tố tụng (litigation support) - định lượng thiệt hại, cung cấp ý kiến chuyên môn và chứng cứ trước tòa; và (ii) điều tra kế toán (investigative accounting) - truy tìm, phân tích và tài liệu hóa các hành vi gian lận, biển thủ, rửa tiền. Khác với kiểm toán tài chính vốn chỉ bảo đảm tính trung thực, hợp lý của báo cáo trên khía cạnh trọng yếu, KTĐT mang tính điều tra chuyên sâu, tập trung vào câu hỏi "ai - làm gì - bằng cách nào - với động cơ gì", đồng thời chú trọng bảo quản chứng cứ có giá trị pháp lý.

2.2. Vai trò trong lĩnh vực ngân hàng

Trong ngân hàng, KTĐT giữ vai trò trọng yếu trong phát hiện và phòng ngừa gian lận. Thực nghiệm tại UAE cho thấy việc tích hợp kỹ thuật phân tích dữ liệu pháp chứng và kiểm tra bằng chứng điện tử giúp giảm 67% tỷ lệ gian lận, riêng gian lận nội bộ được phát hiện với hiệu quả 82% (Brown và cộng sự, 2025). Tại Indonesia, các ngân hàng lớn như BNI, BCA và BRI đã áp dụng phân tích tỷ số và dữ liệu pháp chứng để xử lý các vụ gian lận phức tạp.

KTĐT cũng là công cụ quan trọng trong phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố thông qua truy vết dòng tiền và nhận diện mô hình giao dịch bất thường. Cơ quan quản lý như MAS (Singapore) và RBI (Ấn Độ) yêu cầu tăng cường các biện pháp phân tích pháp chứng trong khuôn khổ tuân thủ AML/CFT (KPMG Singapore, 2024). Ngoài ra, sau các bê bối tài chính lớn như Enron và WorldCom, việc đẩy mạnh KTĐT được xem là giải pháp khôi phục niềm tin thị trường và củng cố tính minh bạch của hệ thống tài chính.

Trong bối cảnh tổn thất gian lận ngân hàng toàn cầu có thể vượt 58 tỷ USD vào năm 2030 (Juniper Research, 2025), KTĐT không chỉ giúp hạn chế thiệt hại trực tiếp mà còn bảo vệ người gửi tiền và duy trì ổn định hệ thống.

2.3. Các lý thuyết nền tảng

Lý thuyết Tam giác Gian lận của Cressey (1953) là nền tảng cốt lõi, chỉ ra ba yếu tố thúc đẩy gian lận: áp lực, cơ hội và hợp lý hóa. KTĐT vận dụng mô hình này để nhận diện tín hiệu cảnh báo sớm và đánh giá điểm yếu trong kiểm soát nội bộ.

Lý thuyết Kiểm soát Nội bộ nhấn mạnh rằng hệ thống kiểm soát yếu kém tạo "cơ hội" cho gian lận, trong khi KTĐT đóng vai trò đánh giá, củng cố các quy trình như cho vay, thanh toán và quản lý tài sản.

Lý thuyết Đại diện (Agency Theory) giải thích xung đột lợi ích giữa chủ sở hữu/người gửi tiền và nhà quản lý ngân hàng; KTĐT hoạt động như một cơ chế giám sát độc lập, góp phần giảm bất cân xứng thông tin và nâng cao trách nhiệm giải trình trong hệ thống ngân hàng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính với thiết kế so sánh quốc tế, phân tích chuyên sâu các tình huống (case study) từ năm quốc gia: Hoa Kỳ, Singapore, Ấn Độ, Vương quốc Anh, Indonesia và UAE. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ tạp chí học thuật và báo cáo nghiên cứu quốc tế qua cơ sở dữ liệu Scopus, Web of Science và Google Scholar.

Phương pháp phân tích bao gồm: (1) so sánh khung thể chế và tiêu chuẩn nghề nghiệp giữa các quốc gia; (2) đánh giá phương pháp và công nghệ áp dụng như AI, machine learning, phân tích dữ liệu lớn; và (3) tổng hợp số liệu thực nghiệm về hiệu quả phát hiện gian lận (tỷ lệ phát hiện 87-94%, giảm 67% gian lận tổng thể) để rút ra bài học có thể áp dụng cho bối cảnh ngân hàng Việt Nam.

4. Kinh nghiệm quốc tế

4.1. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ được xem là hình mẫu toàn diện về thể chế hóa KTĐT trong ngân hàng. Bước ngoặt quan trọng là Đạo luật Sarbanes-Oxley (SOX) năm 2002, ban hành sau các vụ bê bối Enron và WorldCom, nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình của ban lãnh đạo, độc lập kiểm toán và kiểm soát nội bộ. SOX thiết lập Hội đồng Giám sát Kế toán Công ty Đại chúng (PCAOB) và yêu cầu đánh giá kiểm soát nội bộ theo

Mục 404; đồng thời trao quyền mạnh cho SEC trong giám sát và đóng băng tài sản liên quan đến gian lận. Khung pháp lý này tạo nền tảng cho việc tích hợp KTĐT vào quản trị ngân hàng và thị trường vốn.

Về thực tiễn, các ngân hàng Hoa Kỳ áp dụng phân tích mẫu giao dịch hành vi, lập bản đồ tương quan gian lận liên tổ chức và đánh giá rủi ro dự báo. Nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các tổ chức triển khai đầy đủ giao thức KTĐT giảm 67% tỷ lệ gian lận tổng thể; riêng gian lận nội bộ được phát hiện với hiệu quả 82% (Brown và cộng sự, 2025). Đặc biệt, hệ thống phát hiện gian lận dựa trên AI đạt tỷ lệ phát hiện 87-94% và giảm 40-60% cảnh báo nhầm so với phương pháp dựa trên quy tắc truyền thống (GSC Online Press, 2025).

Hoa Kỳ cũng phát triển hệ thống chứng chỉ nghề nghiệp chuyên sâu như CFE (Certified Fraud Examiner) của ACFE và CPA kết hợp chuyên môn điều tra, tạo chuẩn mực nhân lực toàn cầu. Mô hình này cho thấy hiệu quả phòng ngừa gian lận phụ thuộc vào sự kết hợp giữa khung pháp lý nghiêm ngặt, cơ chế giám sát độc lập và đầu tư mạnh vào công nghệ phân tích dữ liệu.

4.2. Singapore

Singapore xây dựng uy tín trung tâm tài chính minh bạch dựa trên thực thi pháp luật kiên định. Hai cơ quan chủ chốt là MAS (Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore) và CAD (Phòng Điều tra Tham nhũng). Khung pháp lý AML/CFT được củng cố bởi Đạo luật Chống Rửa tiền (hiệu lực 11/2024) và Đạo luật Dịch vụ và Thị trường Tài chính (FSMA), yêu cầu tổ chức tài chính cung cấp thông tin phục vụ điều tra. Mức phạt có thể lên tới 1 triệu USD cho mỗi vi phạm và 100.000 USD cho mỗi ngày vi phạm tiếp diễn (ComplyAdvantage, 2025).

Điểm đột phá là nền tảng COSMIC (2024), cho phép chia sẻ thông tin khách hàng giữa các tổ chức tài chính nhằm phát hiện sớm ba rủi ro chính: lạm dụng cơ cấu doanh nghiệp, rửa tiền dựa trên thương mại (TBML) và tài trợ phổ biến. Cơ chế phối hợp giữa MAS, CAD và Văn phòng Báo cáo Giao dịch Đáng ngờ (STRO) tạo thành mạng lưới giám sát liên ngành, hạn chế "khoảng trống" thông tin.

Kinh nghiệm Singapore nhấn mạnh ba yếu tố: (i) cam kết chính trị cấp cao; (ii) thực thi không khoan nhượng; (iii) ứng dụng công nghệ và chia sẻ dữ liệu liên ngân hàng. Đây là mô hình đặc biệt phù hợp cho các quốc gia định hướng xây dựng trung tâm tài chính khu vực.

4.3. Ấn Độ

Ấn Độ nổi bật với việc ban hành 30 Tiêu chuẩn KTĐT và Điều tra (FAIS) bởi ICAI, phân thành năm nhóm từ khái niệm, quản lý hợp đồng, thực hiện nhiệm vụ đến kiểm soát chất lượng. Từ 1/7/2023, Ngân hàng Trung ương Ấn Độ (RBI) yêu cầu bắt buộc kiểm toán pháp chứng đối với các khoản tín dụng trên 200 crore INR (khoảng 24 triệu USD). Quy định này nhằm chuẩn hóa quy trình điều tra, bảo đảm báo cáo có giá trị pháp lý trước tòa án (RR Academy, 2023).

Các ngân hàng lớn như State Bank of India, ICICI Bank và HDFC Bank triển khai phân tích tỷ số tài chính, phân tích dữ liệu pháp chứng và kiểm tra bằng chứng điện tử để xử lý gian lận tín dụng doanh nghiệp. Việc chuẩn hóa theo FAIS giúp tăng tính nhất quán, minh bạch và khả năng sử dụng báo cáo điều tra trong tố tụng.

Mô hình Ấn Độ cho thấy tầm quan trọng của việc ban hành bộ tiêu chuẩn quốc gia thống nhất nhằm nâng cao chất lượng và độ tin cậy của hoạt động KTĐT.

4.4. Kinh nghiệm bổ sung: Anh, Indonesia và UAE

Vương quốc Anh phát triển KTĐT trong khuôn khổ nghề nghiệp của ICAEW và ACCA, với trọng tâm là điều tra gian lận, định giá thiệt hại và hỗ trợ tố tụng. Các công ty Big Four đều có bộ phận KTĐT chuyên biệt, góp phần chuẩn hóa thực hành nghề nghiệp trong thị trường tài chính phát triển.

Indonesia và UAE cung cấp minh chứng thực nghiệm quan trọng. Tại Indonesia, các ngân hàng lớn như BNI, BCA và BRI áp dụng hệ thống phân tích tỷ số, dữ liệu pháp chứng và bằng chứng điện tử để phát hiện gian lận hiệu quả (Journals Index Copernicus, 2025). Tại UAE, áp dụng giao thức phân tích hành vi giao dịch giúp tăng 82% khả năng phát hiện gian lận nội bộ và giảm 67% tổng thể tỷ lệ gian lận (Brown và cộng sự, 2025).

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy bốn yếu tố quyết định hiệu quả KTĐT trong ngân hàng: (i) khung pháp lý rõ ràng và chế tài nghiêm khắc; (ii) cơ chế giám sát độc lập; (iii) chuẩn hóa tiêu chuẩn nghề nghiệp và đào tạo chuyên sâu; (iv) tích hợp công nghệ AI và phân tích dữ liệu lớn. Sự kết hợp đồng bộ các yếu tố này không chỉ giảm thiểu tổn thất gian lận mà còn củng cố niềm tin thị trường và ổn định hệ thống tài chính.

5. Thực trạng tại Việt Nam

Gian lận ngân hàng và tội phạm công nghệ cao tại Việt Nam gia tăng nhanh cả về quy mô lẫn mức độ tinh vi, tạo sức ép lớn lên hệ thống tài chính. Theo Bộ Công an, năm 2024 cả nước ghi nhận hơn 100.000 vụ tội phạm mạng, trong đó có 29.000 cuộc tấn công

ransomware, gây thiệt hại khoảng 12.000 tỷ đồng (456 triệu USD). Báo cáo của Cơ quan An ninh mạng quốc gia (NCA) ước tính tổng tổn thất do gian lận trực tuyến năm 2024 đạt 18.900 tỷ đồng (744,5 triệu USD), với tỷ lệ cứ 220 người dùng smartphone thì có một người trở thành nạn nhân.

Riêng năm 2025, thiệt hại từ lừa đảo trực tuyến đã vượt 6.000 tỷ đồng; hệ thống phát hiện 62.952 biến thể phần mềm độc hại di động mới, trong đó có 931 biến thể giả mạo ứng dụng phổ biến. Giai đoạn 12/2019-5/2024 ghi nhận gần 20.000 vụ án với hơn 17.000 nghi phạm liên quan lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua phương tiện điện tử. Trong 10 tháng đầu năm 2024, Cục An toàn thông tin (ISA) tiếp nhận hơn 220.000 phản ánh gian lận trực tuyến, chủ yếu liên quan đến tài chính - ngân hàng .

Các phương thức gian lận ngày càng tinh vi, dựa trên thao túng tâm lý và công nghệ cao. Ba hình thức phổ biến nhất năm 2024 gồm: (i) mời gọi đầu tư giả mạo với cam kết lợi nhuận cao (70,72% người dùng từng gặp); (ii) giả danh cơ quan chức năng yêu cầu chuyển tiền hoặc cài đặt phần mềm (62,08%); và (iii) thông báo trúng thưởng, khuyến mại giả (60,01%). Đáng chú ý, tội phạm đã sử dụng deepfake, giả mạo giọng nói bằng AI và chatbot tự động để tạo dựng lòng tin và mở rộng phạm vi lừa đảo. Tuy nhiên, chỉ 45,69% nạn nhân báo cáo vụ việc cho cơ quan chức năng, phản ánh khoảng trống về niềm tin và cơ chế hỗ trợ.

Dù các công ty kiểm toán lớn đã cung cấp dịch vụ phân tích dữ liệu pháp chứng và đánh giá rủi ro gian lận (KPMG Vietnam, 2024), vụ án Vạn Thịnh Phát - SCB đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng giám sát và trách nhiệm nghề nghiệp. Nhìn chung, Việt Nam đối mặt ba thách thức trọng yếu: thiếu khung pháp lý chuyên biệt, hạn chế nguồn nhân lực chuyên sâu và chưa phát triển hạ tầng công nghệ, chia sẻ dữ liệu liên ngành.

6. Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy khung pháp lý chuyên biệt là điều kiện tiên quyết để phát triển KTĐT trong ngân hàng. Tại Hoa Kỳ, Đạo luật Sarbanes-Oxley (2002) đã thiết lập yêu cầu bắt buộc về kiểm soát nội bộ, trách nhiệm giải trình của lãnh đạo và cơ chế giám sát độc lập thông qua PCAOB, trở thành chuẩn mực tham chiếu toàn cầu (Pathlock, 2025). Ấn Độ ban hành 30 Tiêu chuẩn FAIS và từ 1/7/2023 yêu cầu kiểm toán pháp chứng bắt buộc đối với khoản vay trên 200 crore INR (~24 triệu USD), qua đó chuẩn hóa quy trình và nâng cao giá trị pháp lý của báo cáo. Singapore củng cố AML/CFT bằng Đạo luật mới (2024) và cơ chế chia sẻ dữ liệu COSMIC, với mức phạt lên tới 1 triệu USD cho mỗi vi phạm.

Từ các mô hình này, Việt Nam cần ưu tiên ban hành Thông tư hoặc Nghị định chuyên biệt về KTĐT trong lĩnh vực ngân hàng, xác định rõ phạm vi dịch vụ, tiêu chuẩn nghề nghiệp, giá trị pháp lý của báo cáo và trách nhiệm của các bên liên quan. Về dài hạn, nên sửa đổi Luật Kế toán 2015 để bổ sung chế định riêng về kế toán điều tra, tạo cơ sở pháp lý ổn định cho hoạt động nghề nghiệp. Đồng thời, cần quy định rõ thẩm quyền thu thập và phân tích chứng cứ tài chính, trách nhiệm bảo mật và cơ chế phối hợp với cơ quan tố tụng.

Thứ hai, thiết lập cơ chế giám sát và phối hợp liên ngành là yếu tố quyết định hiệu quả. Việt Nam có thể tăng cường vai trò của Ngân hàng Nhà nước hoặc thành lập bộ phận chuyên trách, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp chính thức giữa NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công an (A05), Viện Kiểm sát và Tòa án. Việc hình thành nền tảng chia sẻ dữ liệu liên ngân hàng tương tự COSMIC là cần thiết để phát hiện gian lận xuyên tổ chức, đặc biệt trong bối cảnh giao dịch số chiếm trên 95% tại một số ngân hàng.

Thứ ba, chuẩn hóa đào tạo và chứng chỉ hành nghề. Khảo sát cho thấy chỉ 4/45 trường đại học (9%) có học phần liên quan đến KTĐT (Nguyễn, 2023). Do đó, cần tích hợp mô-đun bắt buộc trong chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán, đồng thời phát triển chứng chỉ nghề nghiệp quốc gia hoặc công nhận chứng chỉ CFE quốc tế để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ tư, thúc đẩy ứng dụng công nghệ. Hệ thống AI phát hiện gian lận tại các nước phát triển đạt tỷ lệ phát hiện 87-94% và giảm 40-60% cảnh báo nhầm. Việt Nam nên áp dụng mô hình lai ghép, kết hợp AI với hệ thống dựa trên quy tắc, triển khai thí điểm tại các ngân hàng thương mại nhà nước trước khi mở rộng toàn hệ thống.

Tài liệu tham khảo:

American Institute of Certified Public Accountants (AICPA). (2004). Forensic and litigation services committee memorandum of understanding: Investigative services, audit, and corporate governance - Bridging the gap.

Brown, N., Hill, N., & Johnson, N. (2025). An empirical study of the impact of forensic accounting techniques on fraud prevention in the banking sector. International Research Journal of Science, 245-267.

Journals Index Copernicus. (2025). The role of forensic accounting in detecting financial fraud in Indonesian banks. https://journals.indexcopernicus.com/api/file/viewByFileId/2399156

Juniper Research. (2025). Fraud to cost financial institutions $58.3 billion by 2030 globally. Fraud Detection & Prevention in Banking Market 2025-2030.

KPMG Singapore. (2024). Forensic accounting and fraud prevention. https://sg.knavcpa.com/insights/forensic-accounting-and-fraud-prevention/

KPMG Vietnam. (2024). Forensic - KPMG Vietnam. https://kpmg.com/vn/en/home/services/consulting/risk-consulting/forensic.html

Nguyễn, N. K. D. (2023). The challenges for forensic accounting profession in Vietnam. Science and Technology Development Journal - Economics - Law and Management, 1147.

Peloubet, M. E. (1946). Forensic accounting: Its place in today's economy. Journal of Accountancy, 81(6), 458-462.

U.S. Congress. (2002). H.R.3763 - Sarbanes-Oxley Act of 2002. 107th Congress (2001-2002).

Trần Ngọc Diệp. (2022). Thúc đẩy phát triển kế toán điều tra tại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế Tài chính, Kỳ 2, tháng 6/2022.

Tạp chí Kinh tế Tài chính. (2022). Thúc đẩy phát triển kế toán điều tra tại Việt Nam. https://tapchikinhtetaichinh.vn/thuc-day-phat-trien-ke-toan-dieu-tra-tai-viet-nam.html